M105-30P

Dữ liệu đặc tính CRGO

Tóm tắt dữ liệu

Mác thép	M105-30P
Nhà sản xuất và độ dày	NLMK · 0.3 mm
Tần số có dữ liệu công bố	50 Hz
Dải mật độ từ thông đã công bố	1.7 T
Số mức mật độ từ thông	1
Đặc tính	Suất tổn hao lõi · Cảm ứng từ

Đặc tính ở 50 Hz

Bảng 01 · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử · Không nêu là B hay J

Mật độ từ thông đỉnh (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg
1.7	1.05

Bảng 02 · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình · Không nêu là B hay J

Mật độ từ thông đỉnh (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị điển hình · W/kg
1.7	1.04

Đặc tính khác

Không công bố tần số riêng
Bảng 03 · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử

Cường độ từ trường (A/m)	Cảm ứng từ Giá trị tối thiểu bảo đảm · T
800	1.88

Bảng 04 · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình

Cường độ từ trường (A/m)	Cảm ứng từ Giá trị điển hình · T
800	1.87

Dấu gạch ngang biểu thị giá trị chưa được công bố.

Nguồn của nhà sản xuất và điều kiện thử nghiệm

Dùng số bảng và số dòng để tra cứu điều kiện thử nghiệm gốc.

NLMK

Electrical Steel Product Catalogue

Phiên bản 2024 (printed, cover) Tài liệu chính thức

Trang 51 của PDF · Bảng 01

§9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Bảng 02

§9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 51 của PDF · Bảng 03

§9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Bảng 04

§9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. Typical value listed once per paired row, B800.

Tổng hợp độc lập

Chenfan Electric tổng hợp độc lập từ dữ liệu công bố của các nhà sản xuất thép.
Tiêu chí nghiệm thu căn cứ vào thông số kỹ thuật của nhà sản xuất thép và điều khoản đặt hàng bằng văn bản. Giá trị điển hình và giá trị tham khảo dùng để đánh giá.
Dữ liệu thép dải dùng làm tham khảo kỹ thuật. Cần xác minh riêng tổn hao của lõi thành phẩm.
Phiên bản 2026-11-14.2